TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14/04/2025
V/v: ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Văn

2. Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 217/2024/TLST-HNGĐ ngày 4 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: P, tòa B, chung cư W, huyện V, tỉnh Hưng Yên; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Thân Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ: TDP M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Thân Văn C kết hôn vào ngày 21/11/2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V (nay là UBND phường Nếnh, thị xã V), tỉnh Bắc Giang và tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương. Trước khi kết hôn, chúng tôi đã có thời gian tìm hiểu, sau khi kết hôn hôn, chị chuyển về nhà anh Thân Văn C tại thôn M, xã H (nay là TDP M, phường N) sinh sống. Qúa trình sinh sống ban đầu, hai vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn và hạnh phúc

nhưng một thời gian sau hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh C có hành vi cờ bạc, nợ nần. Hai vợ chồng đã vay mượn nhiều nơi để trả nợ nhưng anh C không thay đổi, ngược lại còn có hành vi bạo hành gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đề nghị được giải quyết ly hôn với anh Thân Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là Thân Quốc T1, sinh ngày 25/02/2003; Thân Thị Thiên T2, sinh ngày 28/01/2008 và Thân Quốc C1, sinh ngày 23/08/2013, cháu T1 hiện đã trên 18 tuổi, có quyền định đoạt cuộc sống của mình nên không yêu cầu giải quyết. Cháu T2, cháu C1 hiện đang ở cùng chị và có nguyện vọng được ở cùng chị nên đề nghị Tòa án giao các cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Thân Văn C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử : Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Thân Văn C. Về con chung: Giao con chung là Thân Thị Thiên T2, sinh ngày 28/01/2008 và Thân Quốc C1, sinh ngày 23/08/2013 cho chị Lê Thị Thanh chăm S nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh P chịu 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, chị Lê Thị Thanh L đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Việt Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Thân Văn C. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã nhiều lần đến nhà anh C làm việc và triệu tập anh C đến Tòa án làm việc nhưng anh C vắng mặt do đó không lấy được lời khai của anh C; tại phiên tòa anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị T, anh C.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Căn cứ Điều 51, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung*".

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh C đăng ký kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang) và tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nên xác định hôn nhân giữa chị H, anh T3 là hợp pháp.

Căn cứ xác minh tại địa phương cũng như lời trình bày của nguyên đơn Quá trình chung sống ban đầu, hai vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn và hạnh phúc nhưng một thời gian sau hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống làm ăn kinh tế, chị T anh C ly thân đã lâu. Do đó, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: Chị T và anh C có 03 con chung là Thân Quốc T1, sinh ngày 25/02/2003; Thân Thị Thiên T2, sinh ngày 28/01/2008 và Thân Quốc C1, sinh ngày 23/08/2013, cháu T1 hiện đã trên 18 tuổi, cháu T2, cháu C1 hiện đang ở cùng chị T và có nguyện vọng được ở cùng chị T; xét về điều kiện nuôi con chị T có đủ điều kiện về nuôi con và các con ở với chị T từ nhỏ được học tập, sinh hoạt phát triển bình thường do vậy để ổn định tâm lý tránh sự xáo trộn không cần thiết cho các cháu nên cần giao hai cháu Thân Thị Thiên T2, sinh ngày 28/01/2008 và cháu Thân Quốc C1, sinh ngày 23/08/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu do vậy không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản chung, vay nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Thân Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Thân Thị Thiên T2, sinh ngày 28/01/2008 và Thân Quốc C1, sinh ngày 23/08/2013 cho chị Lê Thị Thanh chăm S nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh P chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001309 ngày 04 tháng 10 năm 2024, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thị xã Việt Yên;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND phường Quang Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Hữu Luyện